

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1239/QĐ-ĐHM ngày 29 tháng 09 năm 2015 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: **Quản trị kinh doanh**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**

Mã số: **52340101**

Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình ngành Quản trị kinh doanh đào tạo các cử nhân có phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động ở các doanh nghiệp và có khả năng hoạch định, triển khai thực hiện, điều hành các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp và có khả năng tạo lập, vận hành doanh nghiệp mới.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Sinh viên được trang bị những kiến thức chung, thuộc chuẩn trình độ đại học của một cử nhân: hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ phù hợp với ngành đào tạo, từ đó có thể tiếp thu tốt các kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn.

Chương trình đào tạo trang bị các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, kiến thức trong các lĩnh vực nhân lực, marketing, kinh doanh... để có thể đảm nhận tốt công việc ở các bộ phận nhân sự, tổ chức, hành chính, marketing, kinh doanh, bán hàng, truyền thông, nghiên cứu phát triển sản phẩm trong doanh nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng

Quá trình đào tạo tích hợp việc truyền đạt các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc hợp tác, kỹ năng lập kế hoạch và triển khai thực thi...

1.2.3. Thái độ

Sinh viên có nhận thức và vận dụng đúng đắn các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, cư xử có trách nhiệm với xã hội.

Trình độ ngoại ngữ và tin học

Sinh viên được trang bị kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học cần thiết cho giao tiếp và thực hành nghề nghiệp trong môi trường làm việc hiện đại.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. Tri thức chuyên môn

Nắm vững và vận dụng thành thạo kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp và chuyên sâu trong các lĩnh vực: kinh doanh, marketing, nhân sự... vào trong thực tiễn.

2.1.2. Năng lực nghề nghiệp

Giải quyết các vấn đề về quản trị và kinh doanh trong doanh nghiệp như :

- Lập kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp: Kế hoạch về sản xuất, sản phẩm, giá cả, phân phối, bán hàng ...;
- Xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp;
- Thực hiện, tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh như quản trị nhân lực, bán hàng, bán hàng online, Marketing, Marketing online, dự trữ, phân phối, quảng cáo, quản trị sản xuất, chất lượng sản phẩm dịch vụ.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

- Kỹ năng chuyên môn: kỹ năng hoạch định, tổ chức, thực hiện, kiểm soát;
- Năng lực thực hành nghề nghiệp: thiết lập cơ cấu tổ chức, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, triển khai các dự án kinh doanh, quản trị hoạt động các bộ phận chức năng, quản trị quá trình sản xuất – kinh doanh;
- Kỹ năng xử lý tình huống: kỹ năng ra các quyết định quản trị ở cấp cơ sở;
- Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích xử lý thông tin theo các phương pháp định tính, định lượng.

2.2.2. Kỹ năng mềm

Các kỹ năng hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả làm việc và phát huy tối đa năng lực cá nhân như:

- Kỹ năng giao tiếp;
- Kỹ năng làm việc theo nhóm, làm việc hợp tác và cộng tác;
- Kỹ năng xác lập mục tiêu, xây dựng kế hoạch và quản lý thời gian;
- Kỹ năng hội nhập vào môi trường làm việc;
- Kỹ năng ngoại ngữ: Đạt năng lực Tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Kỹ năng tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

2.3. Thái độ

2.3.1. Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân

- Hiểu biết, sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm công dân;
- Tham gia công tác xã hội, đoàn thể.

2.3.2. Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Trung thực, có tư cách, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, đặc biệt là có những tố chất cần thiết ở một người làm nghề Kinh doanh như: sự dẫn thân, cam kết, nhiệt tình, năng động, khả năng thích ứng và linh hoạt;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật lao động; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- Có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng;
- Có khả năng cập nhật kiến thức, có thái độ tích cực và hợp tác trong công việc;
- Có tinh thần hợp tác và giúp đỡ các thành viên khác trong tập thể;
- Có tinh thần cầu tiến, không ngừng học hỏi và nâng cao năng lực chuyên môn, công tác.

2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhận những công việc sau:

- Làm việc ở các bộ phận trong các doanh nghiệp có quy mô lớn thuộc mọi ngành nghề hoặc có thể tạo lập và quản lý điều hành tốt các doanh nghiệp vừa và nhỏ;
- Nhân viên kinh doanh, quản trị viên trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ;
- Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có nền tảng tốt để tiếp tục học lên bậc học cao hơn như Thạc sĩ, Tiến sĩ của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh, các trường đại học trong nước, các trường ngoài nước hoặc các chương trình liên kết của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh với một số trường ở Anh, Úc để lấy bằng Thạc sĩ của các trường này;
- Có năng lực làm việc tại các công ty du lịch, các khách sạn, nhà hàng, khu du lịch để tích lũy kinh nghiệm và thăng tiến lên cấp quản trị cấp trung (trong vòng 3 -5 năm) và cấp cao (5 – 10 năm);
- Có khả năng tự học để nâng cao trình độ.

2.6. Các tài liệu chương trình chuẩn quốc tế tham khảo

Các chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của một số trường đại học quốc tế:

- Worcester (Anh);
- Liverpool University (Anh);
- Paris Business School (Pháp);
- Assumption University of Thailand (Thái Lan);
- Melbourne University (Úc);
- New South Wales University (Úc).

Trường đại học trong nước:

- Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM.

3. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình là **4** năm với **11** học kỳ.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là **126** tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (5 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

5. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều 25 Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất.

7. Thang điểm

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm 10 và quy tương đương sang điểm chữ theo quy định của nhà trường.

8. Nội dung chương trình

STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
8.1. Kiến thức giáo dục đại cương			38	38		
8.1.1. Lý luận chính trị			10	10		
1.	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	POLI1201	2	2		
2.	Những NLCB CN Mac - Lênin (P2)	POLI2302	3	3		
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2		
4.	Đường lối CM của Đảng CSVN	POLI2301	3	3		
8.1.2. Khoa học xã hội			7	7		
5.	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2	2		
6.	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	2		
7.	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM2311	3	3		
8.1.3. Ngoại ngữ			14	14		
8.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4		
9.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4		
10.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0307	3	3		
11.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0308	3	3		
8.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên			7	7		
12.	Thống kê ứng dụng	MATH1311	3	3		
13.	Tin học đại cương	COMP0401	4	4		
8.1.5. Giáo dục Thể chất			5		5	
14.	Giáo dục Thể chất 1	PEDU1201	2		2	
15.	Giáo dục Thể chất 2 (chọn 1 trong các môn sau)					

STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
	Bóng chuyền	PEDU1302	3		3	
	Bóng ném	PEDU1303				
	Bóng đá	PEDU1304				
	Bơi lội	PEDU1305				
	8.1.6. Giáo dục Quốc phòng - An ninh		8		8	
16.	Giáo dục Quốc phòng	DEDU1801	8		8	
	8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		88	78	10	
	8.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành		12	12		
17.	Kinh tế Vi mô 1	ECON1301	3	3		
18.	Kinh tế Vĩ mô 1	ECON1302	3	3		
19.	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	3		
20.	Phân tích định lượng trong QT	BADM2305	3	3		
	8.2.2. Kiến thức ngành và chuyên sâu:		60	60		
	8.2.2.1. Kiến thức chung:		39	39		
	Bắt buộc:		21	21		
21.	Marketing căn bản	BADM2301	3	3		
22.	Quản trị học	BADM1301	3	3		
23.	Quản trị nhân lực	BADM2303	3	3		
24.	Quản trị Marketing	BADM2304	3	3		
25.	Quản trị tài chính	FINA4306	3	3		
26.	Quản trị dự án	BADM4312	3	3		
27.	Quản trị chiến lược	BADM4301	3	3		
	Tự chọn: Chọn 06 trong các môn sau theo thứ tự ở cột ghi chú		18	18		
28.	Kinh doanh quốc tế	BADM3308	3	3		(1)
29.	Văn hóa doanh nghiệp	BADM4308	3	3		(2)
30.	Quản trị thương hiệu	BADM3304	3	3		(3)

STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
31.	Marketing quốc tế	BADM3302	3	3		(4)
32.	Hành vi tổ chức	BADM3315	3	3		(5)
33.	Hành vi khách hàng (ĐH)	BADM3301	3	3		(6)
34.	Nghiệp vụ ngoại thương	BADM3307	3	3		(7)
35.	Quản trị chuỗi cung ứng	BADM3322	3	3		(8)
36.	Quản trị vận hành	BADM3303	3	3		(9)
37.	Trách nhiệm xã hội của DN	BADM4320	3	3		(10)
38.	Bảo hiểm xã hội	BADM4306	3	3		(11)
39.	Quản trị quan hệ khách hàng	BADM3325	3	3		(12)
40.	Quản trị tiền lương	BADM2312	3	3		(13)
41.	Môi trường và an toàn lao động	BADM3329	3	3		(14)
42.	Quản trị chi phí	BADM2306	3	3		(15)
43.	Tổ chức sự kiện và tài trợ	BADM2313	3	3		(16)
44.	Dự báo trong kinh doanh	BADM3326	3	3		(17)
45.	Quản trị dịch vụ	BADM3323	3	3		(18)
46.	Nghiên cứu marketing	BADM4304	3	3		(19)
47.	Chiến lược kinh doanh toàn cầu	BADM2314	3	3		(20)
48.	Luật kinh doanh (KI)	GLAW3302	3	3		(21)
49.	Thực hành tại doanh nghiệp	BADM2601	3		3	(22)
8.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành:			21	21		
Bắt buộc:			15	15		
50.	Lập kế hoạch kinh doanh	BADM3324	3	3		
51.	Thương mại điện tử	BADM3306	3	3		
52.	Quản trị kinh doanh quốc tế	BADM3320	3	3		
53.	Quản trị bán hàng	BADM4303	3	3		
54.	Quản trị hiệu quả công việc	BADM3336	3	3		

STT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
	Tự chọn: Chọn 2 trong các môn sau theo thứ tự ở cột ghi chú		6	6		
55.	Quan hệ công chúng	BADM3305	3	3		(1)
56.	Truyền thông Marketing TH	BADM4302	3	3		(2)
57.	Quản trị chất lượng	BADM3327	3	3		(3)
58.	Quản trị sự thay đổi	BADM3319	3	3		(4)
59.	Marketing dịch vụ	BADM4310	3	3		(5)
60.	Digital Marketing	BADM3337	3	3		(6)
	8.2.3. Chuyên đề		6		6	
61.	Kỹ năng làm việc hiệu quả 1	BADM1202	1		1	
62.	Kỹ năng làm việc hiệu quả 2	BADM1203	1		1	
63.	Kỹ năng làm việc hiệu quả 3	BADM1204	1		1	
64.	Kỹ năng làm việc hiệu quả 4	BADM1205	1		1	
65.	Thực hành Kỹ năng làm việc hiệu quả	BADM3404	2		2	
	8.2.4. Thực tập & KLTN (hoặc học môn thay thế)		10	6	4	
66.	Thực tập TN QTKD	BADM4899	4		4	
67.	Khoá luận QTKD	BADM4699	6	6		
	Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp		6	6		
68.	Môn ngành chọn (7)		3	3		
69.	Môn chuyên ngành chọn (3)		3	3		
Tổng cộng			126	116	10	

9. Kế hoạch giảng dạy

Sinh viên lựa chọn môn học trong kế hoạch học kỳ của các chuyên ngành khác, các khóa đã triển khai nhằm tích lũy đủ số môn theo chương trình đào tạo.

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Sinh viên không chọn chuyên ngành có thể học tiếp những học phần còn lại của ngành Quản trị kinh doanh để hoàn thành chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh.

10.1. Danh mục môn học tương đương thay thế

10.2. Tiết giảng quy đổi

- 01 tín chỉ (tc) = 15 tiết học lý thuyết
- = 30 - 45 tiết thảo luận
- = 30 giờ chuẩn bị cá nhân
- = 40 - 90 giờ thực tập tại cơ sở
- = 45 - 60 giờ làm tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp

10.3. Tính liên thông

Chương trình đào tạo trình độ đại học đã chú ý đến tính liên thông, đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp đại học có thể học lên trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.

10.4. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý:

- Việc triển khai chi tiết các môn học phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, cần qui định các môn học tiên quyết của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo;

- Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học. Có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng;

- Phần kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn, hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập. Ngoài ra còn có môn học Thực hành tại doanh nghiệp nhằm giúp cho sinh viên làm quen với thực tế doanh nghiệp (DN) từ năm thứ 2, dự kiến sẽ triển khai vào học kỳ 5 hoặc 6 của khóa học. Tùy theo nhu cầu của các DN, Khoa sẽ có kế hoạch triển khai cho từng nhóm lớp cụ thể nếu theo học môn học này sẽ được giảm 1 môn trong phần kiến thức tự chọn;

Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên qui định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết;

Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

10.5. Định hướng phương pháp dạy học

- Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập;

- Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học 4,0 năm.

10.6. Định hướng đánh giá

- Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành, viết tiểu luận, vấn đáp.

- Môn “Kỹ năng học tập” và các chuyên đề: Kỹ năng làm việc hiệu quả 1,2,3,4; Thực hành Kỹ năng làm việc hiệu quả được đánh giá Đạt/Không đạt và không tính vào điểm trung bình tích lũy.

- Tổ chức thi kết thúc môn học theo hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên.

- Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo quy chế hiện hành của nhà trường.

10.7. Đối với các môn tiếng Anh

- Sau khi trúng tuyển sinh viên được tham gia kiểm tra trình độ Tiếng Anh đầu vào để xác định học mức độ tiếng Anh phù hợp.

- Miễn, giảm môn học Tiếng Anh thực hiện theo quy định của Nhà trường.

- Chuẩn đầu ra Tiếng Anh thực hiện theo quy định của Nhà trường.

10.8. Tốt nghiệp

Ngoài môn thực tập tốt nghiệp, sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn học tích lũy thay thế khóa luận khi hội đủ điều kiện tại “Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ” hiện hành của nhà trường và quy định của Khoa.

10.8.1. Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp (KLTN)

Điều kiện làm KLTN:

- Điểm trung bình đạt từ 7,00 trở lên của các môn học tương ứng, trừ 10 tín chỉ các môn tốt nghiệp; 6 tín chỉ các môn kỹ năng và được phép nợ 5% tổng số tín chỉ (tối đa 02 môn học) trong chương trình. Sau khi bảo vệ KLTN phải hoàn tất chương trình để tích lũy đủ 126 tín chỉ.

- Điểm Thực tập tốt nghiệp đạt từ 8,0 trở lên và được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn.

Sinh viên đủ điều kiện và dự kiến sẽ làm KLTN (6 tín chỉ) không đăng ký học 02 môn thay thế trong học kỳ 11.

10.8.2. Tốt nghiệp với các môn học thay thế KLTN

Sinh viên không đủ điều kiện làm KLTN hoặc không muốn làm KLTN sẽ học thêm 1 môn ngành chọn (3TC) và 1 môn chuyên ngành chọn (3TC) để tích lũy đủ **126** tín chỉ.

Đối với các học phần tích lũy để tốt nghiệp, sinh viên có thể tích lũy dần dần ở các học kỳ.

Sinh viên có thể đăng ký các môn học thay thế KLTN trước khi thực tập tốt nghiệp.

11. Đề cương chi tiết môn học (*đính kèm chương trình*)

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc